TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 - 2025.
V/v: tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tấn và ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên toà:* ông Lê Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: xóm T, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1994. Địa chỉ: xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là anh Bùi Văn Đ trình bày: Anh và chị Bùi Thị M có quan hệ hôn nhân với nhau và đã ly hôn năm 2022 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 84A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2022 của Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Trong thời gian hôn nhân, anh Bùi Văn Đ và chị Bùi Thị M có 01 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 30/10/2018. Khi ly hôn, anh Đ và chị M thoả thuận để chị Bùi Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Ngọc H, anh Bùi Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị M ở mức 700.000 đồng một tháng. Tuy nhiên, hiện nay chị Bùi Thị M đã lập gia đình mới và bỏ bê việc chăm sóc cháu Bùi Thị Ngọc H, để cháu H cho mẹ đẻ chị M chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu H muốn sang nhà anh Đ thì bị ngăn cấm. Mặt khác, hiện nay anh Bùi Văn Đ có thu nhập ổn định ở mức

trung bình 9.000.000đ/tháng, đủ khả năng nuôi cháu Bùi Thị Ngọc H. Vì vậy, anh Bùi Văn Đ khởi kiện yêu cầu được thay đổi trực tiếp nuôi con; anh Bùi Văn Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H và chưa có yêu cầu chị Bùi Thị M đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phía chị Bùi Thị M chỉ đến Toà án một lần để giải quyết vụ việc. Chị Bùi Thị M thừa nhận có một thời gian có quan hệ hôn nhân với anh Bùi Văn Đ và có một con chung với anh Bùi Văn Đ là cháu Bùi Thị Ngọc H; xác nhận quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng khi ly hôn như anh Bùi Văn Đ đã khai. Nay anh Bùi Văn Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Bùi Thị Ngọc H thì chị Bùi Thị M không nhất trí mà vẫn muốn được trực tiếp nuôi cháu Bùi Thị Ngọc H.

Kết quả Tòa án xác minh, thể hiện: sau khi anh Bùi Văn Đ và chị Bùi Thị M ly hôn thì cháu Bùi Thị Ngọc H ở với chị Bùi Thị M. Từ khi chị Bùi Thị M đi lấy chồng bỏ bê con cái, mải lo cuộc sống riêng nên cháu H thường xuyên chạy về nhà anh Đ và mong muốn được sống cùng bố và bà nội. Về điều kiện nuôi con: về đạo đức, lối sống, thời gian chăm sóc con, nơi ở thì cả anh Đ, chị M đều đủ điều kiện; về thu nhập thì anh Đ có thu nhập ổn định còn chị M lấy chồng lao động tư do và thu nhập không ổn định.

Tại phiên tòa, giữa anh Bùi Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình; yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chỉ có một lần đến Toà án. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: sau khi anh Bùi Văn Đ và chị Bùi Thị M ly hôn thì cháu Bùi Thị Ngọc H chung sống cùng chị Bùi Thị M. Cuộc sống bình thường cho đến khi chị Bùi Thị M kết hôn với người khác và mải chăm lo cho cuộc sống gia đình riêng mà bỏ bê việc chăm sóc cháu Bùi Thị Ngọc H. Cháu H nhiều lần muốn về với bố và bà nội thì bị ngăn cấm. Như vậy, các quyền được chăm sóc, được gần gũi người thân của cháu Bùi Thị Ngọc H không được bảo đảm. Do vậy, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Bùi Văn Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Bùi Thị M chỉ có mặt tại Tòa án một lần, các lần khác không có mặt tại Toà án mà không có lý do chính đáng. Ngoài ra, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án, sau khi ly hôn, chị Bùi Thị M được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Thị Ngọc H và thực tế cháu Bùi Thị Ngọc H đã sống chung cùng chị Bùi Thị M. Theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì chị Bùi Thị M có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị M; phải bảo đảm các điều kiện tốt nhất về mọi mặt để cháu H được học hành, vui chơi và các điều kiện khác cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu H; không được cấm cháu tiếp xúc với bố đẻ, người thân bên nội để liên kết gắn bó tình cảm ruột thịt. Trên thực tế, từ sau khi chị Bùi Thị M kết hôn với người khác lập gia đình riêng thì không quan tâm, chăm sóc đúng mực đối với cháu Bùi Thị Ngọc H; ngăn cấm cháu H gặp gỡ bố và gia đình bên nội là vi phạm nghĩa vụ nuôi con theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 69; khoản 1 Điều 70; khoản 1 Điều 72; khoản 1 Điều 81; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Mặt khác, anh Bùi Văn Đ có đầy đủ các điều kiện về vật chất, chỗ ở, đạo đức, lối sống để nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc H. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Đ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn đối với chị Bùi Thị M là có căn cứ chấp nhận. Việc anh Bùi Văn Đ chưa có yêu cầu chị Bùi Thị M đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là ý kiến tự nguyện của anh Bùi Văn Đ và không ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh Bùi Văn Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Đ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; anh Bùi Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Ngọc H từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Thị Ngọc H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Toà án.

Chị Bùi Thị M chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Văn Đ do anh Bùi Văn Đ chưa có yêu cầu.

Chị Bùi Thị M có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Bùi Thị M không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Bùi Văn Đ.

5. Án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Văn Đ được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002524 ngày 10/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn